

Bản án số: **04/2025/HSST**.

Ngày: 20/ 01/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG -TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Đình Chi - Trưởng Phòng văn hóa thông tin huyện Kbang;

2. Ông Trần Khánh - Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình tại huyện Kbang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Mão -Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Kbang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Kbang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quang Đạt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/01/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kbang, TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2024/ HSST, ngày 02/12/2024, đối với bị cáo:

Đinh Ngọc T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 28/02/1998 tại huyện K, tỉnh Gia Lai; trình độ văn hoá: 8/12; nghề nghiệp: thợ sắt; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai; căn cước công dân số: 064098007301, do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp; tiền án, tiền sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản (*Năm 2016, bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản và đã bị TAND huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai xử phạt 04 năm tù, tại Bản án số 29/2017/HSST, ngày 11/8/2017; đến năm 2020, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa thi hành xong phần án phí theo Bản án trên nên chưa được xóa án tích*). Con ông Đinh Tiến H và bà Trần Thị B, có vợ là Nguyễn Thị Lan A.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2024 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Những người tham gia tố tụng:

*Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Thành T1 - trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh G (*có mặt*).

* Người bị hại: Anh Lê Anh K, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai (*có mặt*).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Yến M, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai (*vắng mặt*).

2. Anh Trần Mạnh C, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ dân phố I, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai (*có mặt*).

3. Chị Hoàng Thị Q, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ dân phố I, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai (*vắng mặt*).

4. Anh Trần Văn T2, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai (*có mặt*).

5. Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 2006;

Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai (*có mặt*).

3. Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa:

- 01 (một) chiếc kéo bằng kim loại, có bọc tay cầm bằng nhựa màu đỏ cam, đã qua sử dụng;

- Tiền Ngân hàng N1 số tiền 9.800.000 đồng (chín triệu tám trăm nghìn đồng);

- Tiền Ngân hàng N1 số tiền 6.700.000 đồng (sáu triệu bảy trăm nghìn đồng);

- Tiền Ngân hàng N1 số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

(*Đặc điểm cụ thể theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/12/2024 giữa Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 05/10/2024, Đinh Ngọc T, sinh ngày 28/02/1998, trú tại tổ dân phố D, thị trấn K, huyện K, vì muốn có tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên T điều khiển xe mô tô gắn biển kiểm soát 81H1-018.08 đi đến tổ dân phố C, thị trấn K, huyện K, lợi dụng sơ hở của người dân, tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đến trước nhà người quen là nhà anh Lê Anh K, sinh năm 1994, trú tại tổ dân phố C, thị trấn K, huyện K, T đi xe vòng qua lại để quan sát thì thấy nhà anh K không có ai ở nhà. Sau đó, T điều khiển xe mô tô đi vào một đường hẻm cách nhà anh K tầm 50 mét và dựng xe ở đó rồi đi bộ vòng ra sau chuồng heo nhà anh K rồi leo vào trong sân sau nhà anh K. Tại đây, T lấy một chiếc kéo màu đỏ cam treo trên tường mang theo trong người đi đến cửa phía sau nhà. T dùng kéo bấm, kẹp chặt vào chốt cửa đẩy lên rồi mở cửa vào trong buồng ngủ của anh K. Trong buồng ngủ, T thấy có một cái tủ gỗ có cầm sẵn chìa khóa, T vặn khóa mở cửa tủ ra, thấy có một túi vải có dây kéo, T mở dây kéo ra thì thấy có một dây chuyền vàng có mặt dây được bọc vàng và một nhẫn vàng Tây. T lấy trộm dây chuyền và nhẫn vàng rồi đi ra khỏi nhà theo đường cũ. Sau khi lấy được số tài sản trên, một mình T đi đến tiệm V ở thị xã A, tỉnh Gia Lai bán sợi dây chuyền và nhẫn vàng được là 43.425.000 đồng (bốn mươi ba triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) và giữ lại mặt dây chuyền. Sau khi có được số tiền trên, T đã sử dụng để trả nợ cho chị Hoàng Thị Q, trú tại tổ dân phố I, thị trấn K, huyện K tiền 6.700.000 đồng, trả nợ cho anh Trần Văn T2, trú tại tổ dân phố A, thị trấn K, huyện K tiền 9.800.000 đồng, đưa cho Nguyễn Thị Lan A (vợ của T) trú tại tổ dân phố A, thị trấn K, huyện Kbang số tiền 8.000.000 đồng và trả nợ cho người thanh niên (chưa xác định nhân thân, lai lịch, vì sau khi trả nợ thì T đã xóa liên lạc) mà T đã nợ trước đó với số tiền 15.000.000 đồng, số tiền còn lại là 3.925.000 đồng, T đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, ngày 06/10/2024, anh Lê Anh K đã đến Công an huyện K sự việc. Sau khi tiếp nhận vụ việc, Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ vật chứng, làm việc với bị hại và những người

liên quan. Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập được, ngày 08/10/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện K tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đinh Ngọc T tại tổ dân phố A, thị trấn K; ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Đinh Ngọc T về hành vi trộm cắp tài sản.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 17/KL-HĐĐG ngày 15/10/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện K, kết luận giá trị tài sản tại thời điểm định giá ngày 05/10/2024 gồm: 01 dây chuyền vàng Tây, dạng mắt xích trọng lượng 7,27 chỉ vàng có giá trị là 37.077.000 đồng; 01 mặt dây chuyền có hình dạng móng cong, màu trắng đục, một đầu nhọn, một đầu được bọc kín bằng vàng Tây, trọng lượng 0,83 chỉ vàng có giá trị là 4.233.000 đồng; 01 nhẫn vàng Tây, có đính mặt đá hình chữ nhật, màu đen, trọng lượng 2,38 chỉ vàng có giá trị là 12.138.000 đồng. Tổng cộng giá trị tài sản là 53.448.000 đồng (năm mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

* Vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã tạm giữ, xử lý vật chứng liên quan đến vụ án, gồm:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, màu đen, BKS 81H1-018.08, số máy 5C63479349, số khung RLCS5C630Y479296. Quá trình điều tra, xác định đây là tài sản của anh Trần Mạnh C, là chủ cửa hàng nơi Đinh Ngọc T làm việc tại tổ dân phố I, thị trấn K, huyện K. Quá trình xác minh, anh C mua chiếc xe trên từ anh Triệu Văn N (trú tại thôn D, xã S, huyện K) để đi lại, sử dụng sinh hoạt trong gia đình. Việc T mượn xe mô tô trên để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 05/10/2024 thì anh C không biết, không được bàn bạc hay hưởng lợi gì nên Cơ quan CSĐT Công an huyện K không đề nghị xử lý trách nhiệm đối với anh C là có căn cứ;

- 01 (một) chiếc kéo bằng kim loại, có bọc tay cầm bằng nhựa màu đỏ cam, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra, xác định đây là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an huyện K đang tạm giữ, chờ xử lý theo quy định;

- 01 (một) mặt dây chuyền có hình dạng móng cong, màu trắng đục, một đầu nhọn, một đầu được bọc kín bằng vàng Tây, trọng lượng 0,83 chỉ vàng. Quá trình điều tra, xác định đây là tài sản của anh Lê Anh K đã bị Đinh Ngọc T trộm cắp vào ngày 05/10/2024;

- Tiền Ngân hàng N1 số tiền 9.800.000 đồng (chín triệu tám trăm nghìn đồng), đây là số tiền do anh Trần Văn T2 tự nguyện giao nộp, Cơ quan CSĐT Công an huyện K đang tạm giữ để xử lý theo quy định;

- Tiền Ngân hàng N1 số tiền 6.700.000 đồng (sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) đây là số tiền do chị Hoàng Thị Q tự nguyện giao nộp, Cơ quan CSĐT Công an huyện K đang tạm giữ để xử lý theo quy định;

- Tiền Ngân hàng N1 số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), đây là số tiền do chị Nguyễn Thị Lan A tự nguyện giao nộp, Cơ quan CSĐT Công an huyện K đang tạm giữ để xử lý theo quy định.

Ngày 22/10/2024 và ngày 12/11/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện K quyết định xử lý vật chứng số 301/QĐ và số 335/QĐ, đã trả 01 mặt dây chuyền có hình dạng móng cong, màu trắng đục, một đầu nhọn, một đầu được bọc kín bằng vàng Tây, trọng lượng 0,83 chỉ vàng cho anh Lê Anh K và trả 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, màu đen, BKS 81H1-018.08, số máy 5C63479349, số khung RLCS5C630Y479296 cho anh Trần Mạnh C1.

Tại Bản cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 29/11/2024, VKSND huyện Kbang đã truy tố bị cáo Đinh Ngọc T về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Kbang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đinh Ngọc T về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

*Tuyên bố bị cáo Đinh Ngọc T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”;

*Áp dụng khoản điểm c, khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự (BLHS) năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Đinh Ngọc T từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm, 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị giam giữ (ngày 09/10/2024).

Bị cáo không có việc làm ổn định và không có tài sản giá trị nào nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

*Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại Lê Anh K yêu cầu bị cáo Đinh Ngọc T phải trả lại số tiền là 49.215.000 đồng (*bốn mươi chín triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng*), sau khi anh K đã nhận lại mặt dây chuyền có bọc 0,83 chỉ vàng Tây, được khấu trừ đi số tiền thu nộp trả lại cho anh K là 24.500.000 đồng, còn lại 24.715.000 đồng, bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Lê Anh K.

*Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

-Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc kéo bằng kim loại, có bọc tay cầm bằng nhựa màu đỏ cam, đã qua sử dụng.

-Tuyên trả lại cho bị hại Lê Anh K tổng số tiền là 24.500.000 đồng, đã thu giữ từ anh T2, chị Q, chị A tự nguyện giao nộp gồm: 9.800.000 đồng (chín triệu tám trăm ngàn đồng) là tiền do anh Trần Văn T2 giao nộp; số tiền 6.700.000 đồng (sáu triệu bảy trăm ngàn đồng) là tiền do chị Hoàng Thị Q giao nộp; số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng chẵn) là tiền do chị Nguyễn Thị Lan A giao nộp.

(*Đặc điểm cụ thể theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/12/2024 giữa Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang*).

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Đinh Ngọc T được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo, ông Nguyễn Thành T1 nhất trí với nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang đã truy tố đối với bị cáo. Thống nhất với tội danh, điều luật và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đã đưa ra. Người bào chữa đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo là trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa, bị hại đã xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, để khi quyết định hình phạt cho bị cáo. Người bào chữa cho bị cáo còn đề nghị HĐXX xem xét để áp dụng mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù là phù hợp với bị cáo.

Về án phí: Bị cáo là hộ cận nghèo và bị cáo đã có đơn xin miễn án phí theo quy định của pháp luật nên đề nghị HĐXX miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Về xử lý, giải quyết dân sự và các nội dung khác: Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Bị cáo thống nhất với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có bổ sung gì thêm.

Bị cáo trình bày là đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K và Điều tra viên; VKSND huyện Kbang và Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, lời khai của bị cáo Đinh Ngọc T phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 15 giờ ngày 05/10/2024, bị cáo một mình điều khiển xe mô tô đến nhà của anh Lê Anh K, thuộc tổ dân phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Tại nhà anh K, bị cáo T đã lén lút chiếm đoạt dây chuyền vàng và nhẫn vàng của anh K với tổng giá trị là 53.448.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, giá trị tài sản chiếm đoạt trên 50.000.000 đồng, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự, như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Liên quan trong vụ án có chị Nguyễn Yến M, là chủ tiệm V tại thị xã A, tỉnh Gia Lai, chị M là người đã mua tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Quá trình điều tra xác định, khi bị cáo T bán dây chuyền và nhẫn vàng cho chị M thì chị M không hề biết nguồn gốc tài sản trên là do bị cáo T trộm cắp mà có, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện K không đề nghị xử lý trách nhiệm hình sự đối với chị M là phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi bị cáo trộm cắp tài sản và bán lấy tiền, thì bị cáo đã đưa cho chị A (là vợ của bị cáo) số tiền 8.000.000 đồng; bị cáo thanh toán trả nợ cho anh Trần Văn T2, số tiền 9.800.000 đồng; bị cáo thanh toán trả nợ cho chị Hoàng Thị Q, số tiền 6.700.000 đồng. Quá trình điều tra, chị A, anh T2, chị Q đều đã tự nguyện nộp lại số tiền cho Cơ quan CSĐT Công an huyện K để phục vụ quá trình điều tra. Việc bị cáo đưa số tiền cho chị A, anh T2, chị Q thì cả ba người trên đều không biết việc bị cáo có số tiền trên là do thực hiện hành vi phạm tội mà có và họ cũng không trao đổi, bàn bạc hay thỏa thuận gì với bị cáo nên Cơ quan CSĐT Công an huyện K không đề nghị xử lý trách nhiệm hình

sự đối với chị A, anh T2, chị Q là phù hợp với quy định. Vì vậy, HĐXX xem xét chị A, anh T2, chị Q, chị M tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có nhân thân xấu: Có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản (năm 2016, bị cáo có hành vi trộm cắp tài sản và bị TAND huyện Đắk Đoa, tỉnh Gia Lai xử phạt 04 năm tù, tại Bản án số 29/2017/HSST ngày 11/8/2017, đến năm 2020, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa thi hành xong phần án phí theo Bản án trên nên chưa được xóa án tích).

Bị cáo phạm tội có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm, được quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa, bị hại đã xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, để xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo

[4] Qua ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị hướng xử lý vụ án; ý kiến đề nghị của người bào chữa. Sau khi xem xét nhân thân bị cáo, đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, cũng như xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi để nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, song vì động cơ tham lam, muốn có tiền tiêu xài bằng con đường bất chính nên bị cáo đã có hành vi phạm tội như đã nói ở trên. Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét cần áp dụng cho bị cáo hình phạt tù có thời hạn, nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội là điều cần thiết.

[5] Xét bị cáo không có việc làm, không có thu nhập ổn định, không có tài sản giá trị nào nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, được quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Vật chứng là tài liệu, đồ vật, phương tiện, xét cần xử lý như sau:

+ 01 mặt dây chuyền có hình dạng móng cong, màu trắng đục, một đầu nhọn, một đầu được bọc kín bằng vàng Tây, trọng lượng 0,83 chỉ vàng (trị giá 4.233.000 đồng), do bị cáo trộm cắp của anh K, anh K có đơn xin nhận lại tài sản và đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện K quyết định xử lý vật chứng, giao trả cho bị hại. Anh K đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Sirius, màu đen, BKS 81H1-018.08, số máy 5C63479349, số khung RLCS5C630Y479296. Quá trình điều tra, xác định, anh Trần Mạnh C mua chiếc xe trên từ anh Triệu Văn N, trú tại thôn D, xã S, huyện K sử dụng nên đây là tài sản của anh C - chủ cửa hàng nơi bị cáo T làm việc. Việc T mượn xe mô tô trên để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 05/10/2024 thì anh C không biết, không được bàn bạc hay hưởng lợi gì. Anh C có đơn xin nhận lại tài sản nên Cơ

quan CSĐT Công an huyện K quyết định xử lý vật chứng, giao trả cho anh C. Anh C đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm;

Đối với vật chứng là Tiền Ngân hàng N1, được Cơ quan CSĐT Công an huyện K thu giữ số tiền 24.500.000 đồng (hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng), xác định đây là nguồn tiền từ việc bị cáo bán vàng của bị hại mà có, bị cáo dùng để trả nợ cho anh T2, số tiền 9.800.000 đồng; chị Q, số tiền 6.700.000 đồng và bị cáo đưa cho vợ bị cáo là chị A, số tiền 8.000.000 đồng. Nay anh T2, chị Q, chị A tự nguyện giao nộp và đều không có ý kiến đề nghị gì thêm, nên HĐXX thấy cần áp dụng Điều 47 của BLHS năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xét để tuyên trả cho bị hại Lê Anh K toàn bộ số tiền 24.500.000 đồng, là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với vật chứng là 01 (một) chiếc kéo bằng kim loại, có bọc tay cầm bằng nhựa màu đỏ cam, đã qua sử dụng. Đây là công cụ mà bị cáo dùng để thực hiện hành vi trộm cắp. Bị cáo không yêu cầu được nhận lại và xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 586 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015:

Xét giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 53.448.000 đồng; bị hại đã nhận lại mặt dây chuyền, trị giá 4.233.000 đồng. Số tiền bị cáo phải thi hành trả cho bị hại số tiền là 49.215.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 24.500.000 đồng mà bị hại được nhận lại từ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giao nộp. Buộc các bị cáo Đinh Ngọc T phải bồi thường cho anh Lê Anh K số tiền là 24.715.000 đồng (hai mươi bốn triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng).

[8] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm (HSST) là 200.000 đồng;

- Án phí dân sự sơ thẩm (DSST) là 24.715.000 đồng x 5% = 1.235.750 đồng;

Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo Đinh Ngọc T là hộ cận nghèo; bị cáo đã có đơn xin miễn án phí theo quy định của pháp luật, nên HĐXX cần áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để miễn toàn bộ án phí HSST và DSST theo quy định của pháp luật cho bị cáo Đinh Ngọc T.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Đinh Ngọc T** phạm tội: “**Trộm cắp tài sản**”.

[2] Về hình phạt: Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2, Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Đinh Ngọc T 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị giam giữ (ngày 09/10/2024).

Bị cáo Đinh Ngọc T, không bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền;

[3]Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Đinh Ngọc T phải bồi thường cho bị hại anh Lê Anh K số tiền là 24.715.000 đồng (*hai mươi bốn triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, nếu chậm trả thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc kéo bằng kim loại, có bọc tay cầm bằng nhựa màu đỏ cam, đã qua sử dụng.

- Tuyên trả lại cho bị hại anh Lê anh K, số Tiền Ngân hàng N1, tổng cộng là 24.500.000 đồng (hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Gồm: Số tiền 9.800.000 đồng (chín triệu tám trăm ngàn đồng) là tiền do anh Trần Văn T2 tự nguyện giao nộp; số tiền 6.700.000 đồng (sáu triệu bảy trăm ngàn đồng) là tiền do chị Hoàng Thị Q tự nguyện giao nộp; số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng chẵn) là tiền do chị Nguyễn Thị Lan A tự nguyện giao nộp.

(Đặc điểm cụ thể theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/12/2024 giữa Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang).

[5]Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định cho bị cáo Đinh Ngọc T.

[5]Về quyền, thời hạn kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- Công an huyện K.
- Bị cáo, người bào chữa.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

- Người bị hại;
- Người có quyền lợi,
nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS huyện.
- Lưu HSVA,VPTA.

Đỗ Thị L

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Chi cục THADS huyện
(khi án có HLPL);
- Lưu HSVA,VPTA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Lành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

TP. CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Cảnh Hoàng Thị Quế

Đỗ Thị Lành

